

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/5/2023.

Về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN Đ - TỈNH KIÊN G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn A**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành T
2. Ông Nguyễn Văn D

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thành N** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đ tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 225/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2023 về việc: “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Như M**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 1, Thôn Đam Pao, xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh **Đinh Văn M1**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 1 ấp Phước Thạnh, xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Như M trình bày như sau:***

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Như M và anh Đinh Văn M1 tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G vào ngày 24/12/2003. Quá trình chung sống giữa chị M và anh M1 lúc đầu rất hạnh phúc. nhưng về sau xảy ra mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp và thường xuyên cãi vã với nhau. Đến năm 2019 do mâu thuẫn nên chị M và anh M1 đã ly thân nhau cho đến nay. Xét thấy không còn tình cảm nên chị Nguyễn Như M yêu cầu được ly hôn với anh M Văn M1.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị Nguyễn Như M và anh Đinh Văn M1 có 02 người con chung tên là Đinh Văn Phát, sinh ngày 25/10/2004 đã trưởng thành và Đinh Văn Thành, sinh ngày 04/9/2009 hiện đang ở với anh M1. Sau khi ly hôn chị M đồng ý giao 01 người con chung tên Đinh Văn Thành cho anh M1 nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Anh M1 và chị M trong thời kỳ hôn nhân có 01 thửa Đ số 2021, tờ bản đồ số 31, địa chỉ: tổ 1, Thôn Đam Pao, xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng, diện tích 384m², mục đích sử dụng Đ trồng lúa nước, thời hạn sử dụng đến ngày 14/10/2033, nguồn gốc sử dụng là nhận chuyển nhượng Đ được Công nhận QSDĐ như giao Đ không thu tiền sử dụng Đ (trên thửa Đ này có 01 căn nhà cấp 4 chiều ngang 6m, chiều dài 15m). Thửa Đ này đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Đ số CH 545802 ngày 10/4/2017 đứng tên chị Nguyễn Như M. Chị Nguyễn Như M và anh Đinh Văn M1 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Như M và anh Đinh Văn M1 không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đinh Văn M1 trình bày như sau*:

- *Về hôn nhân*: Anh Đinh Văn M1 và chị Nguyễn Như M tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G vào ngày 24/12/2003. Quá trình chung sống giữa anh M1 và chị M có mâu thuẫn và vợ chồng có cãi vã nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Đến năm 2019 không biết vì lý do gì mà chị M tự ý ly thân với anh M1 và kiện xin ly hôn với anh M1 ra tòa án. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh M1 và chị M không còn nay chị M xin ly hôn với anh M1 thì anh M1 đồng ý ly hôn với chị M.

- *Về con chung*: Anh Đinh Văn M1 và chị Nguyễn Như M có 02 người con chung tên là Đinh Văn Phát, sinh ngày 25/10/2004 đã trưởng thành và Đinh Văn Thành, sinh ngày 04/9/2009 hiện đang ở với anh M1. Sau khi ly hôn anh M1 yêu cầu nuôi người con chung tên Đinh Văn Thành và anh M1 không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Anh M1 và chị M trong thời kỳ hôn nhân có 01 thửa Đ số 2021, tờ bản đồ số 31, địa chỉ: tổ 1, Thôn Đam Pao, xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng, diện tích 384m², mục đích sử dụng Đ trồng lúa nước, thời hạn sử dụng đến ngày 14/10/2033, nguồn gốc sử dụng là nhận chuyển nhượng Đ được Công nhận QSDĐ như giao Đ không thu tiền sử dụng Đ (trên thửa Đ này có 01 căn nhà cấp 4 chiều ngang 6m, chiều dài 15m). Thửa Đ này đã được Sở tài nguyên và môi trường

tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Đ số CH 545802 ngày 10/4/2017 đứng tên chị Nguyễn Như M. Anh và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh M1 và chị M không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Như M yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Đinh Văn M1. Anh M1 cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về hôn nhân:* Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Chị Nguyễn Như M và anh Đinh Văn M1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/12/2003. Như vậy, hôn nhân giữa chị M và anh M1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M1 do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Xét yêu cầu của chị M thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống với nhau, chị M trình bày cuộc sống vợ chồng anh chị mâu thuẫn do chị với anh M1 không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân và thường xuyên gây gổ với nhau. Đến cuối năm 2019 do mâu thuẫn nên chị M và anh M1 đã ly thân cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị Nguyễn Như M đoàn tụ với anh Đinh Văn M1 để cùng nhau nuôi dạy con chung đến tuổi trưởng thành nhưng chị M vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh M1.

Đồng thời trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay anh Đinh Văn M1 trình bày cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị M cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và gây gổ với nhau. Đến năm 2019 chị M đã gửi đơn xin ly hôn anh M1 ra tòa và từ đó vợ chồng cũng đã ly thân với nhau cho đến nay. Nay chị M yêu cầu ly hôn với anh M1 thì anh M1 cũng đồng ý. Qua đó chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh M1 đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không

đạt được mục đích. Nay chị M và anh M1 đồng ý tự nguyện ly hôn nên HĐXX xem xét ghi nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống chị Nguyễn Như M và anh Đinh Văn M1 có 02 người con chung tên là Đinh Văn Phát, sinh ngày 25/10/2004 đã trưởng thành và Đinh Văn Thành, sinh ngày 04/9/2009 hiện đang ở với anh M1. Đối với cháu Phát hiện nay đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với cháu Đinh Văn Thành phía chị M và anh M1 tự thỏa thuận giao cháu Thành cho anh M1 tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thỏa thuận của chị M và anh M1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và sự phát triển toàn diện của cháu Thành nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Do chị Nguyễn Như M và anh Đinh Văn M1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.4] *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Như M và anh Đinh Văn M1 tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.5] *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Như M và anh Đinh Văn M1 đều xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị Nguyễn Như M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 55; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Như M và anh Đinh Văn M1

2/. Về con chung : Giao cháu Đình Văn Thành, sinh ngày 04/9/2009 cho anh Đình Văn M1 tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Như M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3/. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh M1 không yêu cầu nên miễn xét.

4/. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Chị Nguyễn Như M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004571 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G. Theo đó chị M đã nộp xong.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên G;
- VKS huyện Hòn Đ;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đ;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn A